|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/2020/TT-BTTTT |
| **DỰ THẢO 8** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình**

**số mặt đất băng tần UHF (470-694 MHz)**

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTG ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTG ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần UHF (470-694 MHz).*

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần UHF (470-694 MHz) tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị truyền dẫn, phát sóng toàn quốc* (sau đây viết tắt là: Đơn vị TDPS toàn quốc) là tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất trên phạm vi toàn quốc.

2. *Đơn vị truyền dẫn, phát sóng khu vực* (sau đây viết tắt là: Đơn vị TDPS khu vực) là tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất trên phạm vi khu vực.

3. *Mạng đơn tần* là mạng gồm nhiều máy phát sóng truyền hình hoạt động đồng bộ với nhau trên cùng một kênh tần số, truyền tải dữ liệu giống nhau.

4. *Khu vực Tây Bắc* là khu vực gồm các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang, Yên Bái, Sơn La, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hòa Bình.

5. *Khu vực Bắc Bộ* là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang.

6. *Khu vực Bắc Trung Bộ* là khu vực gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

7. *Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên* là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: Lâm Đồng, Đắc Nông, Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận.

8. *Khu vực Nam Bộ* là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Bình Phước, Tây Ninh, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

**Điều 3. Nội dung quy hoạch**

1. Phân kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần UHF (470-694 MHz) tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần UHF (470-694 MHz) như sau:

a) Các kênh tần số 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 được quy hoạch cho truyền hình số mặt đất toàn quốc, mỗi đơn vị TDPS toàn quốc được xem xét cấp phép không quá 04 kênh tần số đó, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

b) Các kênh tần số 35, 36, 37 được quy hoạch cho truyền hình số mặt đất khu vực Bắc Bộ, được xem xét cấp phép cho đơn vị TDPS khu vực, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

c) Các kênh tần số 33, 34, 35 được quy hoạch cho truyền hình số mặt đất khu vực Nam Bộ, được xem xét cấp phép cho đơn vị TDPS khu vực, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

d) Các kênh tần số 36, 37 được quy hoạch cho truyền hình số mặt đất khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, được xem xét cấp phép cho đơn vị TDPS khu vực, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

đ) Các kênh tần số 33, 34 được quy hoạch cho truyền hình số mặt đất khu vực Tây Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ, được xem xét cấp phép cho đơn vị TDPS khu vực, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

e) Các kênh tần số được quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này còn có thể được xem xét để đơn vị TDPS toàn quốc, đơn vị TDPS khu vực sử dụng nhằm giải quyết một trong những trường hợp sau đây: can nhiễu có hại xuyên biên giới; thực hiện kết quả phối hợp tần số biên giới; phủ sóng vùng lõm, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

g) Đoạn băng tần 606-694 MHz sẽ được tiếp tục xem xét quy hoạch cho các nghiệp vụ vô tuyến điện.

3. Tại khu vực Bắc Bộ và khu vực Nam Bộ, các đơn vị TDPS phải phát sóng truyền hình số mặt đất mạng đơn tần, không bắt buộc áp dụng đối với các điểm phát sóng tại Núi Tam Đảo - Vĩnh Phúc, Núi Cấm - An Giang, Núi Chứa Chan - Đồng Nai, Núi Bà Đen - Tây Ninh, Núi Bà Rá - Bình Phước.

4. Khuyến khích phát sóng truyền hình số mặt đất mạng đơn tần tại khu vực Tây Bắc, khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

5. Các đơn vị TDPS có trách nhiệm phối hợp với nhau để tránh gây nhiễu có hại.

**Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Các giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đã được cấp trong dải tần 606-694 MHz được tiếp tục sử dụng, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nhưng không quá 10 năm kể từ thời điểm cấp phép lần đầu.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2020 và thay thế Thông tư số 26/2013/TT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình mặt đất băng tần UHF (470-806)MHz đến năm 2020.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tần số vô tuyến điện) để được hướng dẫn, xem xét giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c); * Văn phòng Chính phủ; * Văn phòng Chủ tịch nước; * Văn phòng Quốc hội; * Văn phòng Tổng Bí thư; * Văn phòng Trung ương Đảng; * Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; * Bộ TT&TT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng Thông tin điện tử; * UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; * Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; * Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); * Công báo; * Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; * Các đơn vị, doanh nghiệp TDPS truyền hình số mặt đất; * Các doanh nghiệp viễn thông; * Lưu: VT, CTS.250 | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

**PHỤ LỤC**

BẢNG PHÂN KÊNH TẦN SỐ CHO TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

BĂNG TẦN UHF (470-694 MHZ)  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BTTTT*

*ngày / /2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Băng tần** | **Kênh** | **Giới hạn kênh (MHz)** | **Tần số trung tâm (MHz)** | **Băng tần** | **Kênh** | **Giới hạn kênh (MHz)** | **Tần số trung tâm (MHz)** |
| IV | 21 | 470 - 478 | 474 | V | 36 | 590 - 598 | 594 |
| 22 | 478 - 486 | 482 | 37 | 598 - 606 | 602 |
| 23 | 486 - 494 | 490 | 38 | 606 - 614 | 610 |
| 24 | 494 - 502 | 498 | 39 | 614 - 622 | 618 |
| 25 | 502 - 510 | 506 | 40 | 622 - 630 | 626 |
| 26 | 510 - 518 | 514 | 41 | 630 - 638 | 634 |
| 27 | 518 - 526 | 522 | 42 | 638 - 646 | 642 |
| 28 | 526 - 534 | 530 | 43 | 646 - 654 | 650 |
| 29 | 534 - 542 | 538 | 44 | 654 - 662 | 658 |
| 30 | 542 - 550 | 546 | 45 | 662 - 670 | 666 |
| 31 | 550 - 558 | 554 | 46 | 670 - 678 | 674 |
| 32 | 558 - 566 | 562 | 47 | 678 - 686 | 682 |
| 33 | 566 - 574 | 570 | 48 | 686 - 694 | 690 |
| 34 | 574 - 582 | 578 |
| 35 | 582 - 590 | 586 |